

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HC-ST

Ngày: 24/9/2021

“V/v: yêu cầu hủy quyết định
giải quyết khiếu nại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hải Thanh

Ông Nguyễn Huy Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 91/2020/TLST-HC, ngày 09/6/2020 về việc “Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HC ngày 05/07/2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: xóm 9, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trần Đức Đạm – Văn phòng luật sư Hà Đạm, đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

Người bị kiện:

+ Chủ tịch UBND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An (Ủy quyền số 100/GUQ, ngày 22/01/2021, ủy quyền ông Trần Văn H, Phó chủ tịch UBND huyện tham gia tố tụng). Ông Trần Văn H – Vắng mặt.

+ Chủ tịch UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Quang S. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An. Do ông Nguyễn Quang S, Chủ tịch UBND xã T đại diện. Có mặt.

+ Bà Lê Thị S. Sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: xóm 9, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

+ Ông Nguyễn Công H. Sinh năm: 1964. Có mặt

+ Bà Tạ Thị T. Sinh năm 1969. Vắng mặt. Bà T ủy quyền cho ông Nguyễn Công H tham gia tố tụng.

Địa chỉ: xóm 5, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Nguyễn Công T trình bày:*

Năm 1988, gia đình ông T có khai Hng được khoảng 2.500 m² đất tại ngã 3 sông Khuôn, thuộc địa bàn xóm 9 xã T, huyện Đô Lương, Nghệ An. Từ năm 1988 đến 2005, gia đình ông tiến hành san lấp, bồi đắp, sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất khai Hng. Năm 2005, UBND xã T thu hồi diện tích đất nói trên mà không có quyết định thu hồi, không thông báo khi thu hồi và không đền bù, bồi thường cho gia đình ông; khi thu hồi đất đang trồng lúa, mỗi năm 02 vụ. Năm 2018, sau rất nhiều lần gia đình ông gửi đơn khiếu nại, UBND xã T mới cho biết lý do thu hồi phần đất trên là để giao khoán cho hộ gia đình ông Nguyễn Công H (Chủ tịch UBND xã T vào thời điểm đó) để làm trang trại. Năm 2005, ông T đang ở nước ngoài, vợ ông có làm đơn gửi UBND xã T nhưng xã không tiếp nhận đơn. Đến năm 2010, ông T về nước và nhiều lần làm đơn yêu cầu bồi thường gửi UBND xã T nhưng vẫn không được giải quyết. Ngày 29/8/2018, ông T đã gửi đơn khiếu nại lên UBND xã T đòi bồi thường phần đất bị UBND xã T thu hồi. Ngày 20/11/2018, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-UBND (*Sau đây gọi là Quyết định số 167*) giải quyết khiếu nại của ông, quyết định bác yêu cầu khiếu nại vì cho rằng phần đất khai Hng của ông là đất chung do xã quản lý. Việc xã quyết định thu hồi lại để đầu thầu, giao khoán cho hộ gia đình khác làm trang trại. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã T, ông T khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện Đô Lương yêu cầu bồi thường đất đối với phần đất bị UBND xã T thu hồi. Ngày 05/4/2019, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 635/QĐ-UBND (*Sau đây gọi là Quyết định số 635*) với nội dung đơn bác yêu cầu khiếu nại của ông. Trong Quyết định số 635, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương xác định đất gia đình ông khai Hng và đã sử dụng quá 5 năm nhưng không đăng ký với chính quyền xã theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 318/CP ngày 10/9/1979 của Chính phủ nên không có cơ sở để đòi bồi thường khi bị thu hồi, đồng thời vào năm 2005, hộ gia đình

không khiếu nại kịp thời nên đến thời điểm hiện tại không đủ cơ sở để chính quyền đền bù, bồi thường đất.

Ông T cho rằng Quyết định số 318/CP ngày 10/9/1979 của Chính phủ nhằm mục đích khuyến khích người dân tận dụng ruộng đất nông nghiệp, qua đó cho phép người khai Hng đất được sử dụng đất 5 năm, sau đó giao lại cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất quản lý. “Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phổ biến rộng rãi quyết định này cho nhân dân biết để thi hành”. Năm 1988, gia đình khai hoá đất, theo quy định thì đến năm 1993 ông phải giao đất cho UBND xã quản lý, tuy nhiên từ năm 1993 đến năm 2005 gia đình ông vẫn tiếp tục sản xuất. UBND xã T biết việc ông chưa giao đất lại cho chính quyền quản lý nhưng UBND vẫn không ra một thông báo, quyết định nào liên quan để xử lý, quy hoạch lại phần đất này. Theo quy định tại Điều 32 và Điều 44 Luật Đất đai 2003 thì việc UBND xã T tiến hành thu hồi phần đất gia đình ông khai Hng tại xóm 9, xã T là sai thủ tục và trái thẩm quyền luật định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật đất đai 2003: “Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn.” UBND xã T giao phần đất hơn 2500 m² tại ngã 3 sông Khuôn cho hộ ông Nguyễn Công H để hộ ông H làm trang trại cũng là không phù hợp với quy định sử dụng vào mục đích công ích của xã...”

Căn cứ khoản 4 Điều 50, khoản 1, 2 Điều 42 Luật Đất đai 2003; khoản 6 Điều 8, Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, gia đình ông có đủ cơ sở để yêu cầu UBND xã T tiến hành bồi thường đối với phần đất đã thu hồi trái pháp luật của gia đình ông. Yêu cầu Tòa án: huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 635/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đô Lương; Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Chủ tịch UBND xã T, huyện Đô Lương. Buộc UBND xã T tiến hành đền bù phần đất 2500 m² tại ngã 3 sông Khuôn, xóm 9, xã T, huyện Đô Lương đã thu hồi trái pháp luật bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng hoặc bồi thường bằng tiền mặt giá trị 90.000.000 đồng.

** Người bị kiện chủ tịch UBND xã T trình bày:*

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông T (đơn ngày 29/8/2018), Chủ tịch UBND xã đã T lập tổ xác minh theo Quyết định số 142/QĐ-CT ngày 08/10/2018, tiến hành các hoạt động xác minh; tổ chức đối thoại vào ngày 19/11/2018 và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 167/QĐ-CT, ngày 20/11/2018.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Các thửa đất ông T khiếu nại là gia đình tự khai Hng, sử dụng từ năm 1989. Trước khi ông T sử dụng tập thể chưa quản lý, chưa giao khoán hoặc cho phép hộ gia đình nào sử dụng. Tại thời điểm hộ ông T khai Hng và sử dụng, ông T không có đơn xin khai Hng và UBND xã không có văn bản nào chấp thuận cho ông T khai Hng diện tích đó. Từ thời điểm 1989 – 2005, hộ gia đình không kê khai vùng đất này. Gia đình ông T không thực hiện nghĩa vụ tài chính với xã và không chịu thuế nông nghiệp theo quy định. Năm 2005, thực hiện chủ trương của Đảng ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, UBND xã T đã thực hiện thu hồi đất của ông Nguyễn Công T nhưng không có thông báo và không có đền bù cho hộ gia đình ông Nguyễn Công T. Ngày 06/01/2006, UBND xã T giao toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông T cho hộ ông Nguyễn Công H (nguyên là Chủ tịch UBND xã T) theo Hợp đồng ngày 04/01/2006, để hộ ông H xây dựng trang trại theo hình thức khoán thầu trong thời gian 30 năm.

Về hồ sơ địa chính:

- Bản đồ 299 xã T (Đo đạc năm 1984) và Bản đồ chỉnh lý năm 1996: Vùng đất hộ ông T khai Hng, sử dụng nằm trong lưu vực sông Khuôn, không có số thửa và diện tích cụ thể. Sổ mục kê lập ngày 30/7/1999 không kê khai vùng đất này.

- Bản đồ địa chính đo đạc năm 2003: Các thửa hộ ông T sử dụng trong vùng đập Lạng, thuộc tờ bản đồ số 13, gồm: 7 thửa Theo bản đồ địa chính xã T đo đạc năm 2003, vùng đất hộ ông T khai Hng gồm các thửa: thửa 251 diện tích: 119 m²; thửa 266 diện tích: 993 m²; thửa 267 diện tích: 123 m²; thửa 268 diện tích: 68 m²; thửa 284 diện tích 194 m²; thửa 285 diện tích: 764 m²; thửa 286 diện tích: 451 m² - thuộc tờ bản đồ số 13. Tổng diện tích: 2.712 m². Mục đích sử dụng: Trồng lúa (2L). Theo văn bản giao nhận diện tích, chủ sử dụng đất theo hiện trạng tờ bản đồ số 13 (088563-6) lập ngày 15/7/2003. Toàn bộ 7 thửa đất đều mang tên: Nguyễn Công T, xóm 9, xã T.

Về nội dung khiếu nại: Nội dung ông Nguyễn Công T khiếu nại UBND xã thu hồi 2.712 m² đất khai Hng của hộ gia đình ông đang sản xuất tại đập Lạng (năm 2005) UBND xã không thông báo, không bồi thường cho hộ ông T là đúng thực tế. Tuy nhiên, ông T yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất là không có cơ sở để giải quyết. Lý do: Tại thời điểm bị thu hồi đất, diện tích đất hộ gia đình ông đang sử dụng là đất gia đình tự khai Hng, thời gian sử dụng đất đã quá 5 năm, 11 năm sử dụng tiếp theo, hộ gia đình không khai báo, đăng ký với UBND xã, không thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Việc thu hồi đất thực

hiện từ năm 2005, hộ gia đình không khiếu nại kịp thời theo quy định của pháp luật, quá trình quản lý, sử dụng đất từ đó đến nay đã có nhiều thay đổi. Do đó, các quyền lợi chính đáng của hộ gia đình bị ảnh hưởng không có cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, bảo vệ. Năm 2005, việc thu hồi đất của hộ ông T để bổ sung vào quỹ đất sản xuất nông nghiệp và đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai là cần thiết. Tuy nhiên, việc thực hiện thu hồi đất của UBND xã đã vi phạm: về thẩm quyền thu hồi đất; không thực hiện quy trình theo quy định; thu hồi đất để cho khoán thầu đất vượt thẩm quyền của UBND xã.

Ông Nguyễn Quang Sơn cho rằng Quyết định số 167 của Chủ tịch UBND xã T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T là đúng theo quy định. Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đô Lương trình bày:*

Ngày 10/12/2018, ông Nguyễn Công T có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 167 của Chủ tịch UBND xã T. Ngày 18/12/2018, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương đã ban hành Quyết định số 3033, T lập đoàn xác minh giải quyết khiếu nại; đoàn xác minh đã tiến hành xác minh và tổ chức đối thoại với ông T theo quy định. Ngày 05/4/2019, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 635 đối với khiếu nại của ông Nguyễn Công T.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất: Được xác định như Chủ tịch UBND xã T trình bày.

Về việc thu hồi đất: ông Nguyễn Công T, khiếu nại UBND xã thu hồi 2.712 m² đất khai Hng của hộ gia đình ông đang sản xuất tại đập Lạng (năm 2005) UBND xã không thông báo, không bồi thường cho hộ ông T là đúng thực tế. Tuy nhiên, nội dung ông yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất là không có cơ sở để giải quyết. Lý do: Tại thời điểm bị thu hồi đất, diện tích đất hộ gia đình ông đang sử dụng là đất gia đình tự khai Hng, thời gian sử dụng đất đã quá 5 năm, 11 năm sử dụng tiếp theo, hộ gia đình không khai báo, đăng ký với UBND xã, không thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất. Việc thu hồi đất thực hiện từ năm 2005, hộ gia đình không khiếu nại kịp thời theo quy định của pháp luật, quá trình quản lý, sử dụng đất từ đó đến nay đã có nhiều thay đổi. Do đó, các quyền lợi chính đáng của hộ gia đình bị ảnh hưởng không có cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, bảo vệ.

Việc thu hồi đất của UBND xã T: Năm 2005, việc thu hồi đất của hộ ông T để bổ sung vào quỹ đất sản xuất nông nghiệp và đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai là cần thiết. Tuy nhiên, việc thực hiện thu hồi đất của

UBND xã đã vi phạm: Về thẩm quyền thu hồi đất; Không thực hiện quy trình theo quy định; Thu hồi đất để cho khoán thầu đất vượt thẩm quyền của pháp luật, UBND xã. UBND huyện cũng đã giao UBND xã T xem xét, giải quyết đề nghị của ông Nguyễn Công T khi hộ gia đình có nhu cầu đất sản xuất nông nghiệp, trên cơ sở phù hợp với điều kiện canh tác và đảm bảo quy định của Luật Đất đai về cho thuê, khoán thầu đối với quỹ đất công ích do UBND xã quản lý.

Đại diện Chủ tịch UBND huyện Đô Lương khẳng định việc ban hành Quyết định số 635, giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T - Xóm 9, xã T (lần 2) là đúng theo quy định. Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T:*

Vùng đất tại biên bả vùng Đập Lạng Thái Bình, thuộc xóm 9 và xóm 10 (Xóm 5 và xóm 6 mới) xã T, huyện Đô Lương, trước năm 1989 là đất thuộc công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Năm 1989 sau khi thi công xong tuyến kênh Sông Khuôn đoạn đi qua xã T có 30 hộ dân đã tự ý cải tạo và sử dụng trên một số diện tích đất tập thể quản lý chưa đưa vào sử dụng. Tại thời điểm các hộ cải tạo, sử dụng đất không có hộ gia đình nào làm đơn xin cải tạo, sử dụng đất và UBND xã T cũng không có văn bản nào cho phép các hộ cải tạo, sử dụng đất. Trong hồ sơ địa chính, bản đồ 299 xã T (đo đạc năm 1984) và bản đồ chỉnh lý năm 1996, vùng đất đập Lạng, sử dụng nằm trong lưu vực sông Khuôn, không có sổ thửa và diện tích cụ thể. Theo đó, sổ mục kê lập ngày 30/7/1999 không kê khai vùng đất này. Bản đồ địa chính đo đạc năm 2003 các thửa đất của 30 hộ gia đình tại vùng Đập Lạng đều thể hiện sổ thửa và diện tích; trong đó: Hộ ông Nguyễn Công T xóm 9 (xóm 5 mới) thuộc tờ bản đồ số 13, gồm 7 thửa với tổng diện tích là: 2.712 m² (Hai nghìn, bảy trăm, mười hai mét vuông). Từ năm 2005, sau khi thi hồi của hộ ông T, các thửa đất này đã được UBND xã đưa vào sổ sách quản lý, chủ sử dụng đất là UBND xã T.

Năm 2005, UBND xã đã thu hồi số diện tích tại vùng Đập Lạng các hộ gia đình, trong đó có hộ ông Nguyễn Công T, xóm 9 (xóm 5 mới) tổng 7 thửa với diện tích 2.712 m², theo chủ trương của Đảng ủy; Nghị quyết số: 10/2005/ NQ-HĐND, ngày 31/7/2005 của HĐND xã T nhiệm kỳ 2004-2009 về việc phê chuẩn bổ sung quy hoạch sử dụng đất đai năm 2005. Nội dung: Để đảm bảo việc quản lý sử dụng đất đai có hiệu quả tại các vùng biên bả thuộc khu vực vùng đập Lạng xóm 9 (Xóm 5 mới), xóm 10, xóm 11 (Xóm 6 mới); khu vực Cồn trũng xóm 3 (Xóm 3 mới), xóm 4 xóm 5 (Xóm 4 mới), số diện tích này từ trước đến nay tập thể chưa đưa vào quản lý, nay đưa vào kHnh vùng giao khoán tận cơ sở

xóm hoặc đấu thầu làm trang trại theo quy định của tập thể. Nhằm nâng cao thu nhập cho gia đình và nguồn thu ngân sách. Hiện nay, đất đã khoán thầu đất cho các hộ gia đình, cá nhân phát triển kinh tế trang trại. Nghị quyết không đề cập đến việc hỗ trợ cho các hộ có đất khai Hng bị thu hồi; hơn nữa tại địa phương không có ngân sách cũng không có quỹ đất để hỗ trợ; chính vì thế tập thể UBND xã thống nhất giữ nguyên quan điểm không hỗ trợ.

** Ông Nguyễn Công H trình bày:*

Thời điểm năm 2005, hộ gia đình ông T và hàng chục hộ gia đình khác sản xuất trên vùng đất này. Năm 2005, UBND xã thông báo thu hồi đối với một số vùng đất trên toàn xã trong đó có vùng đất Đập Lạng. Đến năm 2006, nhiều hộ dân tiến hành đấu thầu giao khoán đất phát triển kinh tế, công khai tại hội trường UBND xã T, bà Tạ Thị Thu (vợ ông H) tham gia và trúng đấu thầu, ký hợp đồng đúng quy định. Khi UBND xã tiến hành thu hồi vùng đất này ông T đang ở Liên Xô nhưng vợ con ông T vẫn sống tại địa phương nhưng không ai có ý kiến gì. Đến năm 2008 hoặc 2009 ông T về nước lúc đó gia đình ông H vẫn sản xuất trên vùng đất này và ông T biết rõ nhưng cũng không có ý kiến gì. Các hộ dân sử dụng vùng đất này không ai được bồi thường về đất, còn tài sản trên đất thì không có gì. Riêng phần diện tích của ông T chỉ là một bãi cỏ Hng gia đình ông T không hề cải tạo và sản xuất gì có hiệu quả, chỉ có một số mầm cây bạch đàn đường kính từ 1cm đến 2cm mà thôi. Khi tiến hành thu hồi vùng đất này tất cả những hộ dân đang sử dụng đất trong đó có hộ gia đình ông T đều đã nhất trí chủ trương và tự nguyện giao đất để cải tạo phát triển mô hình kinh tế trang trại thu ngân sách cho địa phương và không ai có ý kiến. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các quyết định hành chính bị khởi kiện là đối tượng vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đang trong thời hiệu khởi kiện; Tòa án đã xác định đầy đủ, đúng người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo nguyên tắc xét xử, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, T phần những người tiến hành tố tụng đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Các quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Căn cứ *nguồn gốc, quá trình sử dụng các thửa đất; Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ*; Căn cứ khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 101 Luật đất đai năm 2013) thì ông Nguyễn Công T đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất nên được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 75 Luật đất đai năm 2013). Chủ tịch UBND xã T và Chủ tịch UBND huyện Đô Lương đều kết luận việc UBND xã T thu hồi đất của gia đình ông T là trái thẩm quyền, không có thông báo và không đền bù cho gia đình ông là đúng nhưng cho rằng việc ông T khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất, về tiền (đối với diện tích 2.712m² đất hộ gia đình ông khai Hng tại vùng Đập Lạng bị UBND xã T thu hồi năm 2005) là không có cơ sở, là không đúng các quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Công T. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về hủy Quyết định số 167 của Chủ tịch UBND xã T và Quyết định số 635 của Chủ tịch UBND huyện Đô Lương. Buộc người bị kiện phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định. Buộc người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính; thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Đô Lương đã được triệu tập họp lệ, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.1] Đối tượng khởi kiện và thẩm quyền thụ lý:

Quyết định số 167 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T (lần đầu); Quyết định số 635 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T (lần hai) là các quyết định hành chính do người có thẩm quyền là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xã T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương ban hành trong trường hợp giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà

nước về đất đai theo quy định tại các Điều 204 Luật đất đai, Điều 17, 18 Luật khiếu nại, có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Công T, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật TTHC.

Đối với nội dung ông Nguyễn Công T khởi kiện: Buộc UBND xã T tiến hành đền bù phần đất 2.500 m² tại ngã 3 Sông Khuôn, xóm 9, xã T huyện Đô Lương đã thu hồi trái pháp luật bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng cùng mục đích hoặc bồi thường bằng tiền mặt giá trị 90.000.0000 đồng. Tại phiên tòa ông T đề nghị không xem xét nội dung này vì, không thỏa thuận được với UBND xã về bồi thường. Xét thấy, nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính, Tòa án không xem xét giải quyết.

[1.2]. Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/11/2018, Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 167 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T (lần đầu); Ngày 05/4/2019, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương ban hành Quyết định số 635 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T (lần hai). Ngày 16/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Công T yêu cầu hủy Quyết định số 167, sau đó bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 635. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật TTHC 2015, ông T khởi kiện các quyết định hành chính đang trong thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Quyết định số 167 của Chủ tịch UBND xã T

Ngày 29/8/2018, ông Nguyễn Công T khiếu nại UBND xã T bồi thường về đất do bị UBND xã thu hồi. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông T, Chủ tịch UBND xã đã T lập Tổ xác minh (Quyết định 142/QĐ-CT ngày 08/10/2018) tiến hành các hoạt động xác minh liên quan nội dung khiếu nại; ngày 19/11/2018, UBND xã đã tổ chức đối thoại với ông T. Căn cứ kết quả xác minh, đối thoại, Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định số 167, ngày 20/11/2018 giải quyết khiếu nại của ông T. Căn cứ các điều 17, 27, 28 29, 30, 31 Luật khiếu nại Chủ tịch UBND xã T ban hành Quyết định số 167 đúng trình tự, thẩm quyền.

Quyết định số 635 của Chủ tịch UBND huyện Đô Lương

Khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Công T đối với Quyết định số 167, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương đã ban hành Quyết định số 3033/QĐ-

UBND ngày 18/12/2018, T lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại. Đoàn xác minh đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Công T xác minh nội dung khiếu nại, xác minh địa chính xã T các thời kỳ, các tài liệu liên quan, tổ chức công bố Quyết định xác minh nội dung khiếu nại, đối thoại với công dân về kết quả xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh, ngày 05/4/2019, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương đã ban hành Quyết định số 635 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T (Lần 2). Căn cứ các Điều 18, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương ban hành Quyết định số 635 đúng trình tự, thẩm quyền.

[2.3]. Về nội dung các Quyết định: Tại Quyết định số 167 của Chủ tịch UBND xã T đã quyết định: *“Toàn bộ diện tích tại vùng đập Lạng xóm 10 trước khi ông T khai Hng là đất tập thể chưa giao khoán hoặc cho phép bất kỳ hộ gia đình nào sử dụng. Căn cứ chủ trương của Đảng ủy, Nghị quyết HĐND xã số 10/2005/NQ-HĐND ngày 31/7/2005 về việc bổ sung, phê chuẩn quy hoạch đất đai năm 2005: “Để đảm bảo việc quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả tại các vùng biên鄙 thuộc khu vực vùng Đập Lạng xóm 9, xóm 10, xóm 11. Khu vực Cồn Trũng xóm 3, xóm 4, xóm 5, số diện tích này từ trước tới nay tập thể chưa quản lý. Nay đưa vào kHnh vùng giao khoán tận cơ sở xóm hoặc đấu thầu làm trang trại theo quy định của tập thể. Nhằm nâng cao thu nhập cho hộ gia đình và nguồn thu ngân sách”. Như vậy, trong nội dung Nghị quyết không đề cập đến việc hỗ trợ cho các gia đình. Nên UBND xã không có căn cứ để hỗ trợ cho gia đình ông Nguyễn Công T”.*

Sau khi UBND xã giải quyết khiếu nại, lần đầu, ông T khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện Đô Lương. Ngày 18/01/2019, UBND huyện Đô Lương đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của ông T, ông T cung cấp thông tin: *Do khi chốt nội dung đơn, UBND xã cho biết nếu nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất thì không có cơ sở để giải quyết, do đó ông T mới chuyển sang yêu cầu bồi thường hỗ trợ (tức là công khai Hng, vì tại thời điểm xã thu hồi, hộ gia đình đã thu hoạch lúa nên không đặt ra yêu cầu bồi thường về H lợi). Nay, Chủ tịch UBND xã có quyết định giải quyết không thể xử lý bồi thường hỗ trợ cho gia đình cho nên ông T đề nghị khôi phục nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất đúng như trong đơn gốc gửi UBND xã ngày 29/8/2018. Tại Quyết định số 635, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương đã quyết định giải quyết toàn bộ nội dung khiếu nại của ông T về yêu cầu bồi thường về đất, về tiền. Như vậy, khiếu nại của ông Nguyễn Công T đã được Chủ tịch UBND xã T và Chủ tịch*

UBND huyện Đô Lương xem xét đầy đủ trong các quyết định giải quyết khiếu nại.

[2.4]. Về việc xác lập quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Công T.

Người khởi kiện, người bị kiện, người liên quan đều thống nhất diện tích đất ông T khởi kiện tại vùng ngã 3 sông Khuôn, hiện nay thuộc xóm 10, xã T, có nguồn gốc là đất hộ gia đình ông Nguyễn Công T khai Hng vào năm 1988. Thời gian bắt đầu sử dụng đất vào năm 1988, đến năm 2005, UBND xã T thu hồi toàn bộ diện tích đất nói trên. Ngày 04/01/2006, UBND xã T giao toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông T cho hộ ông Nguyễn Công H (nguyên là chủ tịch UBND xã T) theo Hợp đồng ngày 04/01/2006 để hộ ông H xây dựng trang trại theo hình thức khoán thầu, các thửa 285, 286 (theo bản đồ 2003) UBND xã đã làm mương tiêu thoát nước, việc làm mương thoát nước thực hiện khi giao đất cho gia đình ông H.

Căn cứ các tài liệu địa chính lưu trữ, Chủ tịch UBND xã T, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương, UBND xã T đều xác định:

- Bản đồ 299 xã T (Đo đạc năm 1984) và Bản đồ chỉnh lý năm 1996: Vùng đất hộ ông T khai Hng, sử dụng nằm trong lưu vực sông Khuôn, không có số thửa và diện tích cụ thể. Sổ mục kê của UBND xã T, lập ngày 30/7/1999 không kê khai vùng đất này.

- Bản đồ địa chính đo đạc năm 2003: Các thửa hộ ông T sử dụng trong vùng Đập Lạng, thuộc tờ bản đồ số 13, gồm: 7 thửa Theo bản đồ địa chính xã T đo đạc năm 2003, vùng đất hộ ông T khai Hng gồm các thửa: thửa 251 diện tích: 119 m²; thửa 266 diện tích: 993 m²; thửa 267 diện tích: 123 m²; thửa 268 diện tích: 68 m²; thửa 284 diện tích 194 m²; thửa 285 diện tích: 764 m²; thửa 286 diện tích: 451 m² thuộc tờ bản đồ số: 13. Tổng diện tích: 2.712 m². Mục đích sử dụng: Trồng lúa (2L).

Văn bản giao nhận diện tích, chủ sử dụng đất theo hiện trạng tờ bản đồ số 13 (088563-6) lập ngày 15/7/2003: 7 thửa đất khai Hng đều mang tên: Nguyễn Công T, xóm 9, xã T. Sổ mục kê tờ bản đồ số 13 đo đạc năm 2003 thể hiện chủ sử dụng đối với 07 thửa đất mang tên ông Nguyễn Công T.

Đến năm 2018, khi tiến hành đo đạc, quy hoạch lại tại Tờ bản đồ số 13, thửa số 1076 (diện tích 1183,8 m², đất LUC) và thửa số 1080 (diện tích 4438,2 m², đất NTS), thì người sử dụng, quản lý đất mới mang tên chủ sử dụng đất là UBND xã T. Ủy ban nhân dân T cho rằng các thửa đất đã được đưa vào sổ sách xã quản lý từ năm 2005, sau khi thu hồi đất của ông T, nhưng không có căn cứ, tài liệu chứng minh.

Như vậy, căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, tài liệu quản lý đất đai, theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (Điều 100 Luật đất đai năm 2013), tại thời điểm bị thu hồi (năm 2005) hộ ông Nguyễn Công T đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất. Khi bị thu hồi đất có căn cứ để yêu cầu được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 (Điều 75 Luật đất đai năm 2013).

[2.5]. Về việc thu hồi đất: Tại Quyết định số 635 cho rằng: *“Thời điểm thu hồi đất hộ ông T đã sử dụng diện tích đất khai Hng là 16 năm. Theo quy định tại điểm 3. Quyết định số 318/CP ngày 10/9/1979 của Chính phủ thì: “Người có công khai Hng được sử dụng đất 5 năm....., sau đó sẽ giao lại cho HTX, tập đoàn sản xuất quản lý...”. Việc hộ ông T không tự giác bàn giao đất cho địa phương là trái quy định. Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông T không kê khai diện tích sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do đó việc thu hồi đất để nhà nước quản lý là đúng theo qui định”*.

Theo Quy định tại mục 3, Quyết định số 318-CP ngày 10/9/1979: *“Hiện nay, địa phương nào cũng còn một số ruộng đất, hồ ao còn bỏ Hng, hóa. Các tỉnh, T phố cần có kế hoạch kiểm tra và có biện pháp cụ thể để đôn đốc và giúp các cơ sở khai Hng, phục hóa số diện tích này, không được để ruộng, đất bỏ Hng hóa. Nếu hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất chưa có điều kiện khai Hng, phục hóa thì hợp tác xã phải giao cho đội sản xuất, nhóm lao động, đoàn thể ở xã, gia đình xã viên hoặc các cơ quan, đơn vị quân đội khai Hng, phục hóa....”*. Thực tế, từ trước thời điểm ông T khai Hng, sử dụng cho đến năm 2005, toàn bộ diện tích này UBND xã không đưa vào quản lý và cũng không giao cho ai; các năm 1986 và năm 1999, UBND xã đã tiến hành đo đạc bản đồ đất đai của xã, cũng không đưa vào sổ sách quản lý. Năm 2003, UBND xã tiến hành đo đạc lại đã lập sổ địa chính và các thửa đất đó mang tên ông Nguyễn Công T. Thời điểm thu hồi đất (năm 2005), hộ gia đình ông T đang sử dụng đất, việc thực hiện thu hồi đất phải thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn tại thời điểm đó, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương viện dẫn Quyết định số 318 là không chính xác.

Về thẩm quyền thu hồi: Căn cứ quy định tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, UBND xã T không có thẩm quyền thu hồi đất và việc thu hồi không đúng trình tự thủ tục.

Người bị kiện cho rằng, việc thu hồi và không bồi thường là thực hiện theo chủ trương của Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã T. Tuy nhiên, chủ trương thu

hồi là chính sách chung, còn việc thực hiện thu hồi, bồi thường phải theo quy định của Luật đất đai về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Như vậy, UBND xã T thu hồi đất của ông Nguyễn Công T là trái thẩm quyền, vi phạm trình tự thủ tục, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, nhưng các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã T, Chủ tịch UBND huyện Đô Lương xác định lý do không giải quyết bồi thường chưa đảm bảo căn cứ pháp luật như đã phân tích ở trên, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T về hủy Quyết định số 167 của Chủ tịch UBND xã T và Quyết định số 635 của Chủ tịch UBND huyện Đô Lương.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Yêu cầu của ông Nguyễn Công T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Quyết định hành chính bị hủy nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17, 18, 27, 28, 29 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; Khoản 1 Điều 42, khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 75, Điều 101, Điều 204 Luật Đất đai 2013.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T:

- Hủy Quyết định số 167/QĐ-UBND, ngày 20/11/2018 của Chủ tịch UBND xã T, huyện Đô Lương, giải quyết nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Công T, xóm 9, xã T (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 635/QĐ-UBND, ngày 05/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đô Lương, giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Công T, xóm 9, xã T (lần 2).

Buộc người bị kiện phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Chủ tịch UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Công T số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003339, ngày 26/5/2020, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau:

Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quốc Cường